



ĐẠI HỌC QUỐC GIA  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ  
MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
QUỐC TẾ

Mã số đề tài:

SV202....- ..... -.....

DANH CH

Tên đề tài:

Thành phần tham gia thực hiện



## THUYẾT MINH ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### A. THÔNG TIN CHUNG

#### A1. Tên đề tài

- Tên tiếng Việt:

- Tên tiếng Anh:

#### A2. Thời gian thực hiện

.... tháng (kể từ khi được duyệt)

#### A3. Tổng kinh phí

Tổng kinh phí:..... (Bằng chữ: **Bảy** triệu đồng)

#### A4. Chủ nhiệm

Học hàm, học vị, họ và tên:

Khoa/Bộ môn/Trung tâm:

Mã số sinh viên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Nam/ Nữ:

Số CMND:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Số tài khoản:

Tại ngân hàng:

Chi nhánh:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

#### A5. Giảng viên hướng dẫn:

Học hàm, học vị, họ và tên:

Khoa/Bộ môn/Trung tâm:

Điện thoại:

Email:

#### A6. Cơ quan chủ trì

Tên cơ quan: Trường Đại học Quốc tế

Đại diện: PGS.TS. Lê Văn Thắng Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 028 37244270..... Fax: 028 3724 4271.....

Số tài khoản: 3140035267 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Đông Sài Gòn.

#### A7. Nhân lực nghiên cứu

| TT                               | Học hàm, học vị,<br>Họ và tên | Mã số sinh viên | Nội dung nghiên cứu được giao                                                               |
|----------------------------------|-------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thành viên ( <b>kể cả CNDT</b> ) |                               |                 |                                                                                             |
| 1                                | Nguyễn Văn A                  |                 | Nêu rõ nội dung nào chủ trì (thành viên chính), nội dung nào tham gia (thành viên tham gia) |

|   |  |  |                                    |
|---|--|--|------------------------------------|
|   |  |  | tương ứng với bảng Khoản 1 Phụ lục |
| 2 |  |  |                                    |
| 3 |  |  |                                    |

## B. MÔ TẢ NGHIÊN CỨU

### B1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong, ngoài nước

(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu, những kết quả mới nhất có liên quan đến đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại)

### B2. Ý tưởng khoa học, tính cấp thiết và tính mới

(Chỉ ra những hạn chế cụ thể trình độ KH&CN trong nước và thế giới, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải mục tiêu đặt ra của đề tài và tính cấp thiết, lợi ích của kết quả nghiên cứu đối với ngành, đối với tổ chức chủ trì, đối với xã hội)

### B3. Kết quả nghiên cứu sơ khởi (nếu có)

(Trước khi đệ trình đề cương này, nhóm nghiên cứu có thể đã thực hiện những nghiên cứu sơ khởi, nếu có thì trình bày kết quả và kỹ thuật sử dụng)

### B4. Tài liệu tham khảo

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn trong thuyết minh này)

### B5. Kế hoạch và phương pháp nghiên cứu

#### B5.1 Mục tiêu

(Nói rõ mục tiêu khoa học/công nghệ mà đề tài hướng tới và mức độ giải quyết - Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có)

#### B5.2 Nội dung (Liệt kê và mô tả chi tiết nội dung nghiên cứu)

##### Nội dung 1: Tên nội dung

**Mục tiêu nội dung** (Bám sát và định hướng theo mục tiêu chung)

**Phương pháp** (Mô tả chi tiết: phương pháp, quy trình chọn mẫu và cách thức thu thập số liệu có thể có; iii) lý giải việc lựa chọn của tác giả)

##### Nội dung 2: Tên nội dung

**Mục tiêu nội dung** (Bám sát và định hướng theo mục tiêu chung)

**Phương pháp** (Mô tả chi tiết: phương pháp, quy trình chọn mẫu và cách thức thu thập số liệu có thể có; iii) lý giải việc lựa chọn của tác giả)

## B6. Sản phẩm của đề tài

CNĐT VUI LÒNG VIẾT SẢN PHẨM ĐÃ ĐĂNG KÝ, SAU ĐÓ XÓA CÁC DÒNG MÀU ĐỎ VÀ BỎ MÀU VÀNG KHỎI DÒNG CHỮ

Ví dụ: 01 bài báo toàn văn tại Hội nghị sinh viên cấp trường trở lên. (sản phẩm theo thuyết minh đăng ký như: 01 bài báo đăng toàn văn trên kỷ yếu hội nghị quốc tế thuộc danh mục Scopus)

## B7. Tổng hợp kinh phí đề nghị cấp (Phần B7 này và 4 chữ ký phải ở chung 1 trang với nhau, nhớ bỏ các chữ màu đỏ)

Đơn vị tính: đồng

| TT | Các khoản chi phí                     | Tổng kinh phí | Từ ĐHQT | Từ nguồn huy động |
|----|---------------------------------------|---------------|---------|-------------------|
| 1  | Khoản 1: Tiền công lao động trực tiếp |               |         |                   |
| 2  | Khoản 2: Vật tư                       |               |         |                   |
| 3  | Khoản 3: Chi khác                     |               |         |                   |
|    | <b>Tổng cộng:</b>                     |               |         |                   |

(\*) Theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 10/01/2023 và Thông tư số 02/2023/TT-BKHCHN-BKHCHN của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 08/5/2023.

**Chủ nhiệm đề tài**  
(Họ tên, chữ ký)

Ngày ..... tháng ..... năm ....  
**Lãnh đạo Đơn vị**  
(Họ tên, chữ ký)

**Giảng viên hướng dẫn**  
(Họ tên, chữ ký)

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Văn Thắng**

## C. PHỤ LỤC: GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

### Khoản 1: Tiền công lao động trực tiếp

Đơn vị tính: đồng

**Nhân công lao động khoa học (khoản chi) Copy toàn bộ sheet B1.1 excel nhớ bỏ các chữ màu đỏ**

Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm DM<sub>CN</sub>: 1.000.000 đồng

Thời gian thực hiện: 12 tháng

| Số TT | Nội dung công việc                           | Hệ số lao động khoa học | Số người trong nhóm chức danh | Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DM <sub>CN</sub> ) | Tổng số tháng quy đổi của chức danh hoặc nhóm chức danh | Tổng kinh phí | Từ ĐHQT   | Từ nguồn khác |
|-------|----------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------|-----------|---------------|
| 1     | 2                                            | 3                       | 4                             | 5                                                        | 6                                                       | 7=3x5x6=8+9   | 8         | 9             |
| I     | Xây dựng thuyết minh, báo cáo tổng kết       |                         |                               |                                                          |                                                         | 3.120.000     | 3.120.000 |               |
| 1.1   | Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ: Nguyễn Văn A | 1                       | 1                             | 1.000.000                                                | 2,40                                                    | 2.400.000     | 2.400.000 |               |
| 1.2   | Thù lao của thư ký khoa học:                 | 0,3                     | 1                             | 1.000.000                                                | 2,40                                                    | 720.000       | 720.000   |               |
| II    | Nội dung nghiên cứu                          |                         |                               |                                                          |                                                         | 5.000.000     | 5.000.000 |               |
| 2.1   | Nội dung 1: theo tên tại mục B5.2            |                         |                               |                                                          | 1,50                                                    | 800.000       | 800.000   |               |
| 2.1.1 | Thù lao thành viên chính (Tối đa 01 người)   | 0,8                     | 1                             | 1.000.000                                                | 0,50                                                    | 400.000       | 400.000   |               |
|       |                                              | 0,8                     | 1                             | 1.000.000                                                | 0,50                                                    | 400.000       | 400.000   |               |
| 2.1.2 | Thù lao nhóm thành viên                      | 0,4                     | 1                             | 1.000.000                                                | 1,00                                                    | 400.000       | 400.000   |               |
|       |                                              | 0,4                     | 1                             | 1.000.000                                                | 1,00                                                    | 400.000       | 400.000   |               |
|       |                                              |                         |                               |                                                          |                                                         |               |           |               |
| 2.2   | Nội dung 2: theo tên tại mục B5.2            |                         |                               |                                                          | 3,50                                                    | 1.600.000     | 1.600.000 |               |
| 2.2.1 | Thù lao thành viên chính (Tối đa 01 người)   | 0,8                     | 1                             | 1.000.000                                                | 0,50                                                    | 400.000       | 400.000   |               |
|       |                                              | 0,8                     | 1                             | 1.000.000                                                | 0,50                                                    | 400.000       | 400.000   |               |
| 2.2.2 | Thù lao nhóm thành viên                      | 0,4                     | 1                             | 1.000.000                                                | 3,00                                                    | 1.200.000     | 1.200.000 |               |

| Số TT | Nội dung công việc                                | Hệ số lao động khoa học | Số người trong nhóm chức danh | Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DM <sub>CN</sub> ) | Tổng số tháng quy đổi của chức danh hoặc nhóm chức danh | Tổng kinh phí    | Từ ĐHQT          | Từ nguồn khác |
|-------|---------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------|------------------|---------------|
|       |                                                   | 0,4                     | 1                             | 1.000.000                                                | 3,00                                                    | 1.200.000        | 1.200.000        |               |
| 2.3   | <b>Nội dung 3: theo tên tại mục B5.2</b>          |                         |                               |                                                          | 4,00                                                    | 1.800.000        | 1.800.000        |               |
| 2.3.1 | <i>Thù lao thành viên chính (Tối đa 01 người)</i> | 0,8                     | 1                             | 1.000.000                                                | 0,50                                                    | 400.000          | 400.000          |               |
|       |                                                   | 0,8                     | 1                             | 1.000.000                                                | 0,50                                                    | 400.000          | 400.000          |               |
| 2.2.2 | <i>Thù lao nhóm thành viên</i>                    | 0,4                     | 1                             | 1.000.000                                                | 3,50                                                    | 1.400.000        | 1.400.000        |               |
|       |                                                   | 0,4                     | 1                             | 1.000.000                                                | 3,50                                                    | 1.400.000        | 1.400.000        |               |
| 2,4   | <b>Nội dung 3: theo tên tại mục B5.2</b>          |                         |                               |                                                          | 1,50                                                    | 800.000          | 800.000          |               |
| 2.4.1 | <i>Thù lao thành viên chính (Tối đa 01 người)</i> | 0,8                     | 1                             | 1.000.000                                                | 0,50                                                    | 400.000          | 400.000          |               |
|       |                                                   | 0,8                     | 1                             | 1.000.000                                                | 0,50                                                    | 400.000          | 400.000          |               |
| 2.4.2 | <i>Thù lao nhóm thành viên</i>                    | 0,4                     | 3                             | 1.000.000                                                | 1,00                                                    | 400.000          | 400.000          |               |
|       |                                                   | 0,4                     | 1                             | 1.000.000                                                | 0,50                                                    | 200.000          | 200.000          |               |
|       |                                                   | 0,4                     | 1                             | 1.000.000                                                | 0,50                                                    | 200.000          | 200.000          |               |
|       | <b>TỔNG CỘNG (I+II)</b>                           |                         |                               |                                                          |                                                         | <b>8.120.000</b> | <b>8.120.000</b> |               |

**Khoản 2: Vật tư (Nếu ko có cũng ko xóa bảng này, CNĐT có thể ghi số 0 hoặc bỏ trống)**

Đơn vị tính: đồng

| TT | Nội dung chi                                     | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá | Tổng kinh phí | Từ ĐHQT | Từ nguồn huy động |
|----|--------------------------------------------------|--------|----------|---------|---------------|---------|-------------------|
| I  | Tên vật tư, nguyên vật liệu và quy cách kỹ thuật |        |          |         | -             | -       | -                 |
| 1  |                                                  |        |          |         | -             |         |                   |
| 2  |                                                  |        |          |         | -             |         |                   |
|    |                                                  |        |          |         | -             |         |                   |
| II | Năng lượng, nhiên liệu                           |        |          |         | -             | -       | -                 |
| 1  | Than                                             |        |          |         | -             |         |                   |
| 2  | Điện                                             |        |          |         | -             |         |                   |

|            |                                             |  |  |  |   |   |   |
|------------|---------------------------------------------|--|--|--|---|---|---|
| 3          | Xăng, dầu                                   |  |  |  | - |   |   |
| 4          | Nhiên liệu khác                             |  |  |  | - |   |   |
| 5          | Nước                                        |  |  |  | - |   |   |
| <b>III</b> | <b>Tham dự Hội thảo khoa học ngoài nước</b> |  |  |  | - | - | - |
|            |                                             |  |  |  |   |   |   |
|            | <b>Tổng cộng</b>                            |  |  |  | - | - | - |

### Khoản 3. Chi khác

*Đơn vị tính: đồng*

| TT | Nội dung chi                                  | Tổng kinh phí |
|----|-----------------------------------------------|---------------|
| 1  | Điều tra, khảo sát thu thập số liệu           |               |
| 2  | Tham dự Hội thảo khoa học trong nước          |               |
| 3  | Tham dự Hội thảo khoa học ngoài nước          |               |
| 4  | Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn |               |
|    | <b>Cộng:</b>                                  |               |